

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-36
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/11/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên	
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên	
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THẾP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 30 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn *VXB*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		795.933.474.711	814.300.044.174
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25.031.235.905	14.218.168.704
111	1. Tiền		25.031.235.905	14.218.168.704
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		499.985.004.620	499.392.831.902
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	492.213.586.530	496.246.563.113
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	26.286.056.723	25.150.629.223
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.414.493.565	11.104.771.764
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32.929.132.198)	(33.109.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	9	269.928.957.350	298.386.892.096
141	1. Hàng tồn kho		269.928.957.350	298.386.892.096
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		988.276.836	2.302.151.472
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		988.276.836	2.302.151.472
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		408.510.075.130	351.891.439.918
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.980.713.090	70.000.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	67.607.630.640	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn		-	70.000.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	37.373.082.450	-
220	II. Tài sản cố định		84.957.456.103	90.587.994.482
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	70.503.469.740	75.959.814.319
222	- Nguyên giá		232.158.765.289	231.481.492.562
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(161.655.295.549)	(155.521.678.243)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	14.453.986.363	14.628.180.163
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.834.903.466)	(3.660.709.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	49.156.244.026	27.488.727.414
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		49.156.244.026	27.488.727.414
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	146.590.000.000	146.590.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.825.661.911	17.224.718.022
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	22.825.661.911	17.224.718.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.204.443.549.841	1.166.191.484.092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

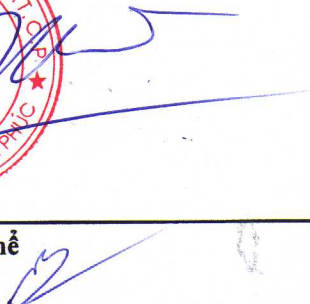
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		644.128.626.025	668.654.162.431
310	I. Nợ ngắn hạn		641.630.813.775	666.322.150.181
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	237.605.049.238	209.631.952.182
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.802.833.057	439.744.012
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.765.853.971	4.012.063.592
314	4. Phải trả người lao động		4.350.123.552	8.003.687.272
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.740.648.419	1.172.178.099
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.566.390.225	900.957.038
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	10.693.703.931	865.729.690
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	366.296.338.642	423.509.790.102
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.809.872.740	17.766.048.194
330	II. Nợ dài hạn		2.497.812.250	2.332.012.250
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.497.812.250	2.332.012.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		560.314.923.816	497.537.321.661
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	560.314.923.816	497.537.321.661
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		28.297.556.108	28.297.556.108
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		84.224.999.001	21.447.396.846
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		21.447.396.846	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		62.777.602.155	21.447.396.846
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.204.443.549.841	1.166.191.484.092


Võ Thị Hồng Thắm
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng





Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.150.696.654.634	1.922.248.043.057
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	13.919.139.062	15.345.958.897
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.136.777.515.572	1.906.902.084.160
11	4. Giá vốn hàng bán	24	2.055.716.210.151	1.834.111.416.648
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.061.305.421	72.790.667.512
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	46.860.640.411	5.334.973.251
22	7. Chi phí tài chính	26	13.337.783.293	14.476.992.579
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.337.324.525	14.476.992.579
25	8. Chi phí bán hàng	27	30.553.451.988	28.486.532.493
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	16.083.541.182	13.693.127.567
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		67.947.169.369	21.468.988.124
31	11. Thu nhập khác		2.566.385	168.741.928
32	12. Chi phí khác		289.839.040	252.201.783
40	13. Lợi nhuận khác		(287.272.655)	(83.459.855)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		67.659.896.714	21.385.528.269
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	4.882.294.559	4.327.527.653
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		62.777.602.155	17.058.000.616


Võ Thị Hồng Thắm
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc



Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘKỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		67.659.896.714	21.385.528.269
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.307.811.106	7.264.701.092
03	- Các khoản dự phòng		(180.000.000)	(240.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(12.596.675)	(322.813)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(45.545.437.097)	(5.267.037.609)
06	- Chi phí lãi vay		13.337.324.525	14.476.992.579
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.566.998.573	37.619.861.518
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(104.681.788.950)	(53.663.042.395)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		28.457.934.746	(26.514.321.605)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		37.746.511.532	62.606.897.815
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.600.943.889)	5.445.787
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.191.260.578)	(14.343.376.691)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.130.779.530)	(6.997.019.593)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.956.175.454)	(1.346.502.502)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.789.503.550)	(2.632.057.666)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.344.789.339)	(3.578.754.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	18.181.818
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.148.214.875	5.408.300.235
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		93.803.425.536	1.847.728.053
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.685.036.548.540	1.442.178.814.579
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.742.250.000.000)	(1.423.091.663.843)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.482.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.213.451.460)	19.085.668.736

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		10.800.470.526	18.301.339.123
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.218.168.704	10.694.428.470
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		12.596.675	322.813
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>25.031.235.905</u>	<u>28.996.090.406</u>

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/11/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên

Trong 06 tháng đầu năm 2018, mặc dù doanh thu bán hàng có tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước tuy nhiên do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng dẫn tới tốc độ tăng của giá vốn nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu bán hàng tương ứng nên lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty không có sự tăng trưởng với tỷ lệ tương ứng. Bên cạnh đó, căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty con thực hiện phân phối lợi nhuận các kỳ trước nên Công ty đã nhận được khoản cổ tức lớn trong kỳ làm cho lợi nhuận sau thuế tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

01001
CÓN
RÁCH NHIL
IANG KIE
AA
TIN KIEM

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển:

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.



Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất ống thép, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	32.425.923	69.980.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.998.809.982	14.148.188.237
	<u>25.031.235.905</u>	<u>14.218.168.704</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	<u>146.590.000.000</u>	<u>-</u>	<u>146.590.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Việt Đức cùng là 99,94%.

Thông tin chi tiết công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thép chất lượng cao. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức cùng là 28,6%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	492.213.586.530	(32.929.132.198)	496.246.563.113	(33.109.132.198)
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	235.357.147.772	-	210.067.499.680	-
Công ty TNHH Phúc Tiến	34.890.660.012	-	32.264.267.483	-
Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	30.588.294.680	-	25.296.797.039	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	43.354.509.712	-	70.337.620.552	-
Phải thu khách hàng khác	148.022.974.354	(32.929.132.198)	158.280.378.359	(33.109.132.198)
Phải thu dài hạn của khách hàng	67.607.630.640	-	-	-
Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	67.607.630.640	-	-	-
	559.821.217.170	(32.929.132.198)	496.246.563.113	(33.109.132.198)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

2.324.369.953

-

22.704.282.798

-

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản phải thu dài hạn:

Khoản phải thu dài hạn Công ty CP Xuất Nhập khẩu và Thương Mại Tổng hợp Miền Bắc liên quan đến 02 hợp đồng mua bán sau:

(1): Hợp đồng mua bán phôi thép số 11.2018/HĐPT-TRADECO-VGS ngày 07 tháng 02 năm 2018 với các nội dung sau:

- + Giá trị hợp đồng: 25.161.840.000 đồng (dung sai trọng lượng cho phép khi giao hàng là +/-10%);
- + Thời gian giao hàng trong tháng 02/2018;
- + Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 18 tháng (540 ngày) kể từ ngày hai bên hoàn thành việc giao nhận hàng.
- + Lãi suất trả chậm: Lãi suất trả chậm tính theo lãi suất vay ngắn hạn mà Công ty vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên tại từng thời điểm. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 01/04/2018.
- + Số dư công nợ phải thu tại thời điểm cuối kỳ là: 25.771.874.832 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản phải thu dài hạn (tiếp theo):

(2): Hợp đồng mua bán phôi thép số 10.2018/HĐPT-TRADECO-VGS ngày 06 tháng 02 năm 2018 với các nội dung sau:

- + Giá trị hợp đồng: 41.672.400.000 đồng (dung sai trọng lượng cho phép khi giao hàng là +/-10%);
- + Thời gian giao hàng trong tháng 02/2018;
- + Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 18 tháng (540 ngày) kể từ ngày hai bên hoàn thành việc giao nhận hàng.
- + Lãi suất trả chậm: Lãi suất trả chậm tính theo lãi suất vay ngắn hạn mà Công ty vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên tại từng thời điểm. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 01/04/2018.
- + Số dư công nợ phải thu tại thời điểm cuối kỳ là: 41.835.755.808 đồng.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công Ty Cổ phần Xây Dựng Quang Mính	17.609.537.586	-	7.800.000.000	-
Công ty CP Sản Xuất - Xây Lắp - Thương Mại Đại An	2.525.000.000	-	947.000.000	-
Công ty LD TNHH Phát Triển Đô Thị Mới An Khánh	-	-	11.146.989.000	-
Trả trước cho người bán khác	6.151.519.137	-	5.256.640.223	-
	26.286.056.723	-	25.150.629.223	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn chi tiết theo số dư				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	602.777.778	-
Phải thu về BHXH, BHTN	1.842.500	-	-	-
Tạm ứng	8.475.287.818	-	6.239.324.488	-
Ký cược, ký quỹ	5.542.653.300	-	3.363.000.000	-
Phải thu khác	394.709.947	-	899.669.498	-
	14.414.493.565	-	11.104.771.764	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Phải thu dài hạn chi tiết theo số dư				
UBND Huyện Bình Xuyên (*)	1.660.000.000	-	-	-
BQL Dự án đầu tư xây dựng Huyện Bình Xuyên (*)	35.713.082.450	-	-	-
	37.373.082.450	-	-	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	-	-	602.777.778	-

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.

(*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng khu đô thị VietDuc Legend City sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị.

8 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.446.128.448	-	9.626.128.448	-
	32.929.132.198	-	33.109.132.198	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	12.087.714.578	-	42.840.071.950	-
Nguyên liệu, vật liệu	103.282.264.876	-	116.189.193.802	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.623.932.678	-	7.055.822.965	-
Thành phẩm	145.094.564.991	-	132.300.520.978	-
Hàng hoá	-	-	1.282.401	-
Hàng gửi đi bán	840.480.227	-	-	-
	269.928.957.350	-	298.386.892.096	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	49.156.244.026	27.488.727.414
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City ⁽²⁾	18.756.545.787	18.914.181.960
- Nhà Biệt Thự BT5 - Splendor ⁽³⁾	21.825.152.785	-
	49.156.244.026	27.488.727.414

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG - Pipe;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần.
- Mục đích xây dựng: Đầu tư kinh doanh;
- Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBĐS ngày 29/01/2010 ký với Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị.
- Tình trạng: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG Pipe;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 25ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng giai đoạn I.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 25ha.

(3): 02 căn biệt thự tại các lô BT5-270-C13, BT5-270-C14 tại khu đô thị mới Bắc An Khánh – Splendor:

- + Chủ đầu tư/bên bán: Công ty Liên Doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh;
- + Sản phẩm bàn giao: Biệt thự xây thô 03 tầng hoàn thiện mặt ngoài;
- + Tổng diện tích sàn của cả 02 căn biệt thự cùng là 337m²;
- + Giá trị hợp đồng mua căn biệt thự tại lô BT5-270-C13 là: 12.650.040.000 đồng;
- + Giá trị hợp đồng mua căn biệt thự tại lô BT5-270-C14 là: 12.514.890.000 đồng;
- + Mục đích đầu tư của Công ty: Đầu tư kinh doanh;
- + Tình trạng dự án: Đã nhận bàn giao công trình từ bên bán và tương ứng đã thanh toán 95% giá trị hợp đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	97.870.542.413	105.398.511.123	26.613.864.308	1.598.574.718	231.481.492.562
- Mua trong kỳ	-	677.272.727	-	-	677.272.727
Số dư cuối kỳ	97.870.542.413	106.075.783.850	26.613.864.308	1.598.574.718	232.158.765.289
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.261.568.552	97.820.093.412	17.841.441.561	1.598.574.718	155.521.678.243
- Khấu hao trong kỳ	1.751.933.010	2.828.492.869	1.553.191.427	-	6.133.617.306
Số dư cuối kỳ	40.013.501.562	100.648.586.281	19.394.632.988	1.598.574.718	161.655.295.549
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	59.608.973.861	7.578.417.711	8.772.422.747	-	75.959.814.319
Tại ngày cuối kỳ	57.857.040.851	5.427.197.569	7.219.231.320	-	70.503.469.740

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 89.582.662.615 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số dư cuối kỳ	<u>18.219.064.829</u>	<u>69.825.000</u>	<u>18.288.889.829</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.590.884.666	69.825.000	3.660.709.666
- Khấu hao trong kỳ	174.193.800	-	174.193.800
Số dư cuối kỳ	<u>3.765.078.466</u>	<u>69.825.000</u>	<u>3.834.903.466</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	14.628.180.163	-	14.628.180.163
Tại ngày cuối kỳ	<u>14.453.986.363</u>	<u>-</u>	<u>14.453.986.363</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.970.385.463	6.058.617.761
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	11.200.224.000	7.200.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.530.535.378	652.730.737
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.124.517.070	3.313.369.524
	<u>22.825.661.911</u>	<u>17.224.718.022</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	109.289.821.115	109.289.821.115	41.207.898.933	41.207.898.933
Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	83.875.258.284	83.875.258.284	44.121.289.782	44.121.289.782
Công ty TNHH Thương Mại Khánh Dư	28.184.308.837	28.184.308.837	757.792.692	757.792.692
Công ty TNHH Nhất Trí Thành	-	-	30.716.532.000	30.716.532.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Khách sạn Vĩnh Phúc	29.700.000	29.700.000	32.121.777.380	32.121.777.380
Phải trả các đối tượng khác	16.225.961.002	16.225.961.002	60.726.661.395	60.726.661.395
	<u>237.605.049.238</u>	<u>237.605.049.238</u>	<u>209.651.952.182</u>	<u>209.651.952.182</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	-	-	<u>557.009.355</u>	<u>557.009.355</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Âu Việt	1.815.000.000	-
Người mua trả tiền trước khác	987.833.057	439.744.012
	<u>2.802.833.057</u>	<u>439.744.012</u>

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	294.671.423	148.607.476
Chi phí phải trả khác	1.445.976.996	1.023.570.623
	<u>1.740.648.419</u>	<u>1.172.178.099</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	643.734.008	611.657.767
- Bảo hiểm y tế	1.704.000	8.398.000
- Tiền đặt cọc mua căn hộ tại dự án VietDuc Lendgen City	9.800.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	248.265.923	245.673.923
	<u>10.693.703.931</u>	<u>865.729.690</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.497.812.250	2.332.012.250
	<u>2.497.812.250</u>	<u>2.332.012.250</u>

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	17.717.588.316	17.717.588.316	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	2.612.244	2.612.244	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.923.395.039	4.882.294.559	6.130.779.530	-	2.674.910.068
Thuế Thu nhập cá nhân	-	88.668.553	283.760.331	281.484.981	-	90.943.903
Thuế Tài nguyên	-	-	18.522.000	18.522.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	456.689.280	456.689.280	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	30.495.403	30.495.403	-	-
	-	4.012.063.592	23.395.962.133	24.642.171.754	-	2.765.853.971

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	423.509.790.102	423.509.790.102	1.685.036.548.540	1.742.250.000.000	366.296.338.642	366.296.338.642
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên ⁽¹⁾	251.009.633.600	251.009.633.600	807.435.000.000	825.500.000.000	232.944.633.600	232.944.633.600
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên ⁽²⁾	75.638.994.775	75.638.994.775	350.201.548.540	380.700.000.000	45.140.543.315	45.140.543.315
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽³⁾	44.950.781.656	44.950.781.656	228.900.000.000	244.600.000.000	29.250.781.656	29.250.781.656
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	4.550.000.000	4.550.000.000	167.900.000.000	172.050.000.000	400.000.000	400.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁵⁾	47.360.380.071	47.360.380.071	130.600.000.000	119.400.000.000	58.560.380.071	58.560.380.071
	423.509.790.102	423.509.790.102	1.685.036.548.540	1.742.250.000.000	366.296.338.642	366.296.338.642



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/1509578/HĐTD ngày 13/10/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký đến hết ngày 01/10/2018;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại là từ 6,2%/năm đến 6,4%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 232.944.633.600 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và Ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác; Các công nợ phải thu khách hàng lớn.

- (2) Hợp đồng tín dụng số 17.071.0048/2017-HĐCVHM/NHCT262-ONGTHEP ngày 14/07/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 130 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 10/07/2018;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại là 6,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 45.140.543.315 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu khách hàng lớn.

- (3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 06817022/HĐTD ngày 24/07/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại từ 6,8%/năm đến 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 29.250.781.656 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu khách hàng lớn.

- (4) Hợp đồng tín dụng số HDTD3902017233 ngày 06/07/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHDTD ngày 12/01/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng;
 - + Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại là 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 400.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: quyền đòi nợ phát sinh với Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm theo Hợp đồng thế chấp và các phụ lục có liên quan.

- (5) Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐHM/2018/VPG-OTVĐ ngày 14 tháng 05 năm 2018, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: theo thỏa thuận hai bên căn cứ trên cung cầu vốn thị trường, lãi suất áp dụng với dư nợ hiện tại là 6,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 58.560.380.071 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng tồn kho luân chuyển và ký quỹ số tiền tối thiểu 5% đối với mỗi lần đề nghị phát hành L/C.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	69.835.386.699	26.337.674.100	-	48.448.731.731	520.618.892.530
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	17.058.000.616	17.058.000.616
Số dư cuối kỳ trước	375.997.100.000	69.835.386.699	26.337.674.100	-	65.506.732.347	537.676.893.146
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	28.297.556.108	1.959.882.008	21.447.396.846	497.537.321.661
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	62.777.602.155	62.777.602.155
Số dư cuối kỳ này	375.997.100.000	69.835.386.699	28.297.556.108	1.959.882.008	84.224.999.001	560.314.923.816

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2018/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 14 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, thời gian dự kiến chia trong quý II hoặc quý III năm 2018.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Lê Minh Hải	28.575.000.000	7,60%	28.575.000.000	7,60%
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000	6,28%
Các cổ đông khác	323.797.110.000	86,12%	323.797.110.000	86,12%
	375.997.100.000	100%	375.997.100.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp đầu kỳ	375.997.100.000	375.997.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	375.997.100.000	375.997.100.000
d) Cổ phiếu		
	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	37.599.710
- Cổ phiếu phổ thông	37.599.710	37.599.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.297.556.108	28.297.556.108
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	30.257.438.116	30.257.438.116

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài	30/06/2018	01/01/2018
Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để sử dụng với mục đích đặt văn phòng đại diện và kho hàng tại miền Nam từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2020, diện tích khu đất thuê là 2803,5 m2 và hợp đồng thuê đất tại Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, Tp.Đà Nẵng để sử dụng với mục đích đặt văn phòng đại diện từ năm 01/07/2017 đến năm 31/12/2022 diện tích khu đất thuê là 2975 m2 .Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.		
b) Ngoại tệ các loại		
	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.837,05	1.172,67

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.040.698.517.926	900.461.565.865
Doanh thu bán thành phẩm	1.100.057.904.095	989.949.206.621
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.370.459.086	31.837.270.571
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.569.773.527	-
	2.150.696.654.634	1.922.248.043.057
Doanh thu đối với các bên liên quan	22.482.637.688	73.051.275.110

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13.689.486.724	14.430.234.276
Hàng bán bị trả lại	229.652.338	670.772.987
Giảm giá hàng bán	-	244.951.634
	<u>13.919.139.062</u>	<u>15.345.958.897</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.026.673.788.313	899.768.900.208
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.021.836.664.711	905.111.338.043
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.726.025.383	29.231.178.397
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	5.479.731.744	-
	<u>2.055.716.210.151</u>	<u>1.834.111.416.648</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.572.937.097	5.248.855.791
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.286.767.699	75.794.647
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.972.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15.838.940	10.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	12.596.675	322.813
	<u>46.860.640.411</u>	<u>5.334.973.251</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.337.324.525	14.476.992.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	458.768	-
	<u>13.337.783.293</u>	<u>14.476.992.579</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.365.501.840	1.148.103.780
Chi phí nhân công	5.344.311.768	5.063.049.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	848.068.229	776.101.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.653.276.167	19.530.087.710
Chi phí khác bằng tiền	1.342.293.984	1.969.190.211
	<u>30.553.451.988</u>	<u>28.486.532.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.123.169.769	1.463.086.180
Chi phí nhân công	6.649.219.716	8.032.415.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.392.363.881	1.262.952.996
Thuế, phí, lệ phí	460.086.118	596.989.078
Hoàn nhập dự phòng	(180.000.000)	(240.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.284.868.434	1.555.358.087
Chi phí khác bằng tiền	1.353.833.264	1.022.326.124
	16.083.541.182	13.693.127.567

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
a. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.569.854.931	21.385.528.269
Các khoản điều chỉnh tăng	289.792.086	252.109.998
- Chi phí không hợp lệ	289.792.086	252.109.998
Các khoản điều chỉnh giảm	(43.985.096.675)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(43.972.500.000)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(12.596.675)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.874.550.342	21.637.638.267
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế chi phí TNDN phải nộp kỳ này	89.376.134	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	4.864.286.202	4.327.527.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.923.395.039	5.147.019.593
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(6.112.771.173)	(6.997.019.593)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính	2.674.910.068	2.477.527.653
b. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	90.041.783	-
Thu nhập tính thuế TNDN	90.041.783	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	18.008.357	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(18.008.357)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.882.294.559	4.327.527.653
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.674.910.068	2.477.527.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.023.252.020.544	940.843.621.010
Chi phí nhân công	25.398.119.004	24.441.094.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.055.701.108	7.012.591.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.179.396.527	26.754.528.863
Chi phí khác bằng tiền	2.697.080.034	3.035.548.052
	1.085.582.317.217	1.002.087.383.542

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.031.235.905	-	14.218.168.704	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	611.608.793.185	(32.929.132.198)	507.351.334.877	(33.109.132.198)
Các khoản cho vay	-	-	70.000.000.000	-
	636.640.029.090	(32.929.132.198)	591.569.503.581	(33.109.132.198)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	366.296.338.642	423.509.790.102
Phải trả người bán, phải trả khác	250.796.565.419	212.849.694.122
Chi phí phải trả	1.740.648.419	1.172.178.099
	618.833.552.480	637.531.662.323

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.031.235.905	-	-	25.031.235.905
Phải thu khách hàng, phải thu khác	473.698.947.897	104.980.713.090	-	578.679.660.987
	498.730.183.802	104.980.713.090	-	603.710.896.892
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.218.168.704	-	-	14.218.168.704
Phải thu khách hàng, phải thu khác	474.242.202.679	-	-	474.242.202.679
Các khoản cho vay	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000
	488.460.371.383	70.000.000.000	-	558.460.371.383

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	366.296.338.642	-	-	366.296.338.642
Phải trả người bán, phải trả khác	248.298.753.169	2.497.812.250	-	250.796.565.419
Chi phí phải trả	1.740.648.419	-	-	1.740.648.419
	616.335.740.230	2.497.812.250	-	618.833.552.480
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	423.509.790.102	-	-	423.509.790.102
Phải trả người bán, phải trả khác	210.517.681.872	2.332.012.250	-	212.849.694.122
Chi phí phải trả	1.172.178.099	-	-	1.172.178.099
	635.199.650.073	2.332.012.250	-	637.531.662.323

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.685.036.548.540	1.442.178.814.579
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.742.250.000.000)	(1.423.091.663.843)

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	22.482.637.688	73.051.275.110
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)	21.950.414.457	6.929.532.391
Công ty CP Thép Việt Đức Công ty con	26.986.000	64.553.035.296
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức Công ty liên kết	505.237.231	1.568.707.423
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	959.791.656	995.494.714
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)	63.330.000	63.330.000
Công ty CP Thép Việt Đức Công ty con	83.990.256	77.429.300
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức Công ty liên kết	812.471.400	854.735.414
Lãi cho vay vốn	1.400.361.111	5.228.888.891
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức Công ty liên kết	1.400.361.111	5.228.888.891
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.972.500.000	
Công ty CP Thép Việt Đức Công ty con	43.972.500.000	

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.324.369.953	22.704.282.798
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp (*)	302.170.025	8.529.787.521
Công ty CP Thép Việt Đức Công ty con	2.022.199.928	14.174.495.277
Phải thu về cho vay	-	70.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức Công ty liên kết	-	70.000.000.000
Phải thu khác	-	602.777.778
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức Công ty liên kết	-	602.777.778
Phải trả người bán ngắn hạn	-	557.009.355
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức Công ty liên kết	-	557.009.355

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	260.650.000	164.450.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	777.350.000	613.900.000



35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 07 năm 2018

